

Số: 10/CBTT-MKV

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Dược thú y Cai Lậy thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính hợp nhất (BCTCHN) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Dược Thú y Cai Lậy

- Mã chứng khoán : MKV

- Địa chỉ trụ sở chính : Khu phố 1B, phường Cai lậy, tỉnh Đồng Tháp.

- Điện thoại: 02733710769 Fax: 02733826363

- Email: info@cailayvetco.com; Website: www.cailayvetco.com.

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026 gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối

với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không



+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 30/03/2026 tại đường dẫn: www.cailayvetco.com.

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: không phát sinh
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);

- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.



CHỦ TỊCH HĐQT
Người công bố thông tin



Đào Mạnh Hòa

Số: 11/CBTT-MKV

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 03 năm 2026

V/v Giải trình về số liệu lợi nhuận
sau thuế TNDN trên Báo cáo tài chính
hợp nhất năm 2025

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lay (Mã chứng khoán MKV) xin trân trọng giải trình về số liệu lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 như sau:

Tháng 11 năm 2025, Công ty hoàn tất việc thành lập Công ty con là Công ty TNHH Dược Thú Y Cai Lay; Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty con.

Năm 2025 là kỳ báo cáo đầu tiên Công ty thực hiện lập và công bố Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật về kế toán và công bố thông tin trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con theo quy định hiện hành. Tại cùng kỳ năm trước, Công ty chưa có Công ty con và chưa phát sinh quan hệ công ty mẹ – công ty con.

Vì vậy, số liệu lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 không có số liệu hợp nhất tương ứng của cùng kỳ năm trước để đối chiếu, so sánh. Việc không có cơ sở so sánh là do thay đổi phạm vi hợp nhất, không phải do biến động bất thường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nên Công ty không giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế theo quy định của Ủy ban chứng khoán.

Công ty cam kết các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 được lập trung thực, hợp lý, tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các quy định pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã công bố. Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Trân trọng./.

CHỦ TỊCH HĐQT
Người công bố thông tin



The stamp is red and circular, containing the text 'CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY' around the perimeter and 'MSDN: 1200505472' at the bottom. In the center is a logo with a stylized 'L' and 'Y' inside a triangle. A blue ink signature is written across the stamp.

Đào Mạnh Hòa

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 31

0.000
★
11/

4/0000
★
/

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1200505472 do Sở Tài chính Tỉnh Đồng Tháp (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang) cấp ngày 28 tháng 1 năm 2003 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ("SGDCKHN"), với mã chứng khoán là MKV theo Quyết định số 406/QĐ-TTGDHN do SGDCKHN cấp ngày 21 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu phố 1B, Phường Cai Lậy, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đào Mạnh Hòa	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2025
Ông Đào Mạnh Lương	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên độc lập	
Ông Lê Thành Nam	Thành viên độc lập	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thị Hồng Nhung	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kiều Chinh	Thành viên
Bà Phan Nguyễn Trúc Mỹ	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Văn Tài	Giám đốc
Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đào Mạnh Hòa.

Ông Đỗ Văn Tài được Ông Đào Mạnh Hòa ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 01/2026/UQ-CTHĐQT-MKV ngày 1 tháng 1 năm 2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Chữ ký Ban Giám đốc: 

Đỗ Văn Tài
Giám đốc

Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12608295/68630565-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 3458-2025-004-1

Phan Ngọc Phương Hải
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 5855-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

SỐ 11/2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		87.546.070.883	76.986.999.054
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	5	14.417.417.701	15.174.991.167
111	1. Tiền		3.417.417.701	7.174.991.167
112	2. Các khoản tương đương tiền		11.000.000.000	8.000.000.000
120	<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	6	18.000.000.000	6.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		18.000.000.000	6.000.000.000
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		36.342.865.560	38.541.119.225
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	24.861.317.208	38.006.047.821
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	1.342.317.846	54.442.500
135	3. Phải thu cho vay ngắn hạn	8	9.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.139.230.506	480.628.904
140	<i>IV. Hàng tồn kho</i>	10	18.203.982.774	16.641.723.523
141	1. Hàng tồn kho		18.203.982.774	16.641.723.523
150	<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>		581.804.848	629.165.139
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	513.595.933	370.876.086
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	14	-	185.049.710
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	68.208.915	73.239.343
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		28.502.190.937	32.501.707.450
220	<i>I. Tài sản cố định</i>		27.012.288.735	30.128.258.708
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	27.012.288.735	30.128.258.708
222	Nguyên giá		101.268.586.753	102.093.300.169
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(74.256.298.018)	(71.965.041.461)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		260.000.000	260.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(260.000.000)	(260.000.000)
240	<i>II. Xây dựng cơ bản dở dang</i>		81.999.000	-
242	1. Xây dựng cơ bản dở dang		81.999.000	-
260	<i>III. Tài sản dài hạn khác</i>		1.407.903.202	2.373.448.742
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	358.841.944	602.901.714
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22.3	1.049.061.258	1.770.547.028
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		116.048.261.820	109.488.706.504

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		12.012.072.272	22.342.780.435
310	I. Nợ ngắn hạn		12.012.072.272	22.342.780.435
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	1.292.264.493	1.536.977.437
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		135.212.325	271.028.096
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	335.504.805	450.618.428
314	4. Phải trả người lao động		1.572.714.751	727.556.825
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	8.693.582.699	19.376.039.035
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		20.024.280	17.791.695
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(37.231.081)	(37.231.081)
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		104.036.189.548	87.145.926.069
410	I. Vốn chủ sở hữu	16.1	104.036.189.548	87.145.926.069
411	1. Vốn cổ phần		50.000.380.000	50.000.380.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.380.000	50.000.380.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(380.000)	(380.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		69.863.124	69.863.124
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		53.966.326.424	37.076.062.945
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		37.076.062.945	29.751.760.619
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		16.890.263.479	7.324.302.326
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		116.048.261.820	109.488.706.504

Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Ngày 30 tháng 1 năm 2026

Trần Thị Thanh Thêm
Người lập

Võ Thị Lệ Trinh
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Tài
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	165.095.442.300	119.087.670.085
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	(15.308.818.813)	(12.051.205.109)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	149.786.623.487	107.036.464.976
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	(97.107.691.212)	(71.099.790.325)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		52.678.932.275	35.936.674.651
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	886.878.369	465.964.084
22	7. Chi phí tài chính	19	(4.106.467.422)	(3.168.851.473)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	(38.525.102)
25	8. Chi phí bán hàng	20	(21.640.735.837)	(16.337.596.113)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(6.492.705.227)	(7.539.482.097)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.325.902.158	9.356.709.052
31	11. Thu nhập khác		1.882.882	4.579.646
32	12. Chi phí khác		(213.964.554)	(164.728.632)
40	13. Lỗ khác		(212.081.672)	(160.148.986)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.113.820.486	9.196.560.066
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	(3.502.071.237)	(2.427.245.295)
52	16. Thuế thu nhập hoãn lại	22.3	(721.485.770)	554.987.555
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		16.890.263.479	7.324.302.326
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	24	3.378	1.465
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	24	3.378	1.465

Trần Thị Thanh Thèm
Người lập

Võ Thị Lệ Trinh
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Tài
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.113.820.486	9.196.560.066
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	11	4.177.518.053	4.230.778.551
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(676.878.365)	(428.595.679)
06	Chi phí lãi vay	19	-	38.525.102
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		24.614.460.174	13.037.268.040
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		11.944.861.036	(5.556.712.107)
10	Tăng hàng tồn kho		(1.562.259.251)	(3.651.841.078)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(9.965.534.105)	4.842.110.228
12	Giảm chi phí trả trước		101.339.923	395.468.246
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(38.525.102)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.867.245.295)	(3.430.933.865)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		21.265.622.482	5.596.834.362
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(1.692.145.550)	-
23	Tiền cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		(96.000.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		75.000.000.000	-
27	Thu lãi tiền gửi		668.949.602	386.420.334
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(22.023.195.948)	386.420.334
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		-	5.010.334.753
34	Tiền trả nợ gốc vay		-	(5.010.334.753)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		(757.573.466)	5.983.254.696
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		15.174.991.167	9.191.736.471
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	14.417.417.701	15.174.991.167

Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026



Trần Thị Thanh Thêm
Người lập



Võ Thị Lệ Trinh
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Tài
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1200505472 do Sở Tài chính Tỉnh Đồng Tháp (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang) cấp ngày 28 tháng 1 năm 2003 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ("SGDCKHN"), với mã chứng khoán là MKV theo Quyết định số 406/QĐ-TTGDHN do SGDCKHN cấp ngày 21 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu phố 1B, Phường Cai Lậy, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 112 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 104 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 1 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0), như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích của Công ty		Quyền biểu quyết của Công ty	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Dược Thú y Cai Lậy	Khu phố 1B, Phường Cai Lậy, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	100,00%	-	100,00%	-

Công ty TNHH Dược thú y Cai Lậy được thành lập vào ngày 20 tháng 11 năm 2025 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1201716525 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp cấp với số vốn điều lệ đăng kí là 50.000.000.000 VND. Công ty con có hoạt động chính là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa thực hiện việc góp vốn vào công ty con này và Công ty TNHH Dược thú ý Cai Lậy chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh. Tại ngày 3 tháng 3 năm 2026, Công ty đã hoàn tất việc góp vốn vào công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Thông tin so sánh

Như trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 4, Công ty đã thành lập một công ty con vào ngày 20 tháng 11 năm 2025. Do đó, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất lần đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa thực hiện việc góp vốn vào công ty con này và công ty con cũng chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh. Theo đó, các dữ liệu trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Nhóm Công ty tương ứng với dữ liệu trên báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Mặc dù các dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan được trình bày dựa trên báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (do trong năm 2024 Công ty chưa có công ty con), các dữ liệu này vẫn so sánh được với dữ liệu của năm tài chính hiện tại.

2.7 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền thuê cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.8 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi:

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.19 Thông tin bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4. SỰ KIỆN TRỌNG YẾU TRONG NĂM

Vào ngày 8 tháng 11 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") đã thông qua Nghị quyết số 08/2025/NQ-ĐHĐCĐ-MKV về góp vốn và thành lập công ty con là Công ty TNHH Dược thú y Cai Lậy với số vốn 50.000.000.000 VND. Vào ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty TNHH Dược thú y Cai Lậy đã được Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1201716525.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	160.717.534	247.471.257
Tiền gửi ngân hàng	3.256.700.167	6.927.519.910
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>11.000.000.000</u>	<u>8.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>14.417.417.701</u>	<u>15.174.991.167</u>

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng HongLeong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, có kỳ hạn gốc ba (3) tháng và hưởng lãi suất 4,5%/năm.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng HongLeong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, có kỳ hạn gốc sáu (6) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 5,2%/năm đến 7,0%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thú y Châu Giang	15.947.782.925	30.695.413.372
Chi cục Chăn nuôi và Thú y	1.322.800.000	-
Khác	<u>7.590.734.283</u>	<u>7.310.634.449</u>
TỔNG CỘNG	<u>24.861.317.208</u>	<u>38.006.047.821</u>

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Du lịch Quốc tế Cheapticket	630.000.000	-
Trina Solar Energy Development Pte Ltd	421.735.507	-
Khác	<u>290.582.339</u>	<u>54.442.500</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.342.317.846</u>	<u>54.442.500</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>	<i>VND</i>
Cho cá nhân vay	<u>9.000.000.000</u>	<u>-</u>	
Chi tiết khoản cho vay tín chấp các cá nhân và hưởng lãi suất thỏa thuận 4,0%/năm, được trình bày như sau:			
<i>Tên cá nhân</i>	<i>Số cuối năm</i>		<i>Thời hạn</i>
	<i>VND</i>		
Ông Nguyễn Thanh Phong	3.000.000.000		Ngày 8 tháng 10 năm 2026
Bà Võ Thị Hồng Thắm	3.000.000.000		Ngày 8 tháng 10 năm 2026
Bà Lê Thị Thúy	<u>3.000.000.000</u>		Ngày 8 tháng 10 năm 2026
TỔNG CỘNG	<u>9.000.000.000</u>		

Các khoản cho vay tín chấp cho các cá nhân nêu trên đã được Công ty thu hồi bằng tiền vào ngày 25 tháng 3 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng nhân viên	265.831.519	418.488.325
Lãi tiền gửi	190.241.097	56.147.945
Lãi cho vay	83.835.615	-
Khác	599.322.275	5.992.634
TỔNG CỘNG	1.139.230.506	480.628.904
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên khác</i>	1.128.296.506	475.213.904
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 23)</i>	10.934.000	5.415.000

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	11.137.893.276	10.648.146.580
Thành phẩm	6.759.607.559	5.838.631.027
Hàng hoá	306.481.939	154.945.916
TỔNG CỘNG	18.203.982.774	16.641.723.523

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	36.887.812.125	61.200.927.593	4.004.560.451	102.093.300.169
Mua mới	-	33.900.000	1.237.648.084	1.271.548.084
Thanh lý	-	(2.096.261.500)	-	(2.096.261.500)
Số cuối năm	36.887.812.125	59.138.566.093	5.242.208.535	101.268.586.753
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	1.634.933.919	36.948.292.176	4.004.560.451	42.587.786.546
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	(15.067.723.440)	(52.892.757.570)	(4.004.560.451)	(71.965.041.461)
Khấu hao trong năm	(1.527.925.984)	(2.605.624.890)	(43.967.179)	(4.177.518.053)
Thanh lý	-	1.886.261.496	-	1.886.261.496
Số cuối năm	(16.595.649.424)	(53.612.120.964)	(4.048.527.630)	(74.256.298.018)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	21.820.088.685	8.308.170.023	-	30.128.258.708
Số cuối năm	20.292.162.701	5.526.445.129	1.193.680.905	27.012.288.735

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	513.595.933	370.876.086
Công cụ, dụng cụ	187.824.506	285.106.406
Chi phí bảo hiểm	146.878.051	68.337.930
Khác	178.893.376	17.431.750
Dài hạn	358.841.944	602.901.714
Cải tạo	126.388.889	-
Công cụ, dụng cụ	4.439.664	2.800.000
Chi phí sửa chữa	-	343.055.556
Khác	228.013.391	257.046.158
TỔNG CỘNG	872.437.877	973.777.800

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho bên khác	1.292.264.493	786.977.437
<i>Công Ty Cổ Phần XNK Dược Mặt Trời</i>	635.200.000	-
<i>Công ty Cổ phần BMT Quốc tế</i>	-	433.417.777
<i>Công ty Phát triển Hải Đăng</i>	-	312.112.500
<i>Khác</i>	657.064.493	41.447.160
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 23)	-	750.000.000
TỔNG CỘNG	1.292.264.493	1.536.977.437

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

				VND
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng trong năm</i>	<i>Giảm trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải thu	258.289.053	5.208.122.333	(5.398.202.471)	68.208.915
Thuế giá trị gia tăng	185.049.710	5.076.186.553	(5.261.236.263)	-
Tiền thuê đất	48.205.606	131.935.780	(136.966.208)	43.175.178
Thuế khác	25.033.737	-	-	25.033.737
Phải nộp	450.618.428	15.613.121.560	(15.728.235.183)	335.504.805
Thuế thu nhập doanh nghiệp	427.245.295	3.502.071.237	(3.867.245.295)	62.071.237
Thuế thu nhập cá nhân	23.373.133	1.615.003.110	(1.564.927.662)	73.448.581
Thuế giá trị gia tăng	-	10.496.047.213	(10.296.062.226)	199.984.987

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chiết khấu phải trả	6.089.542.920	14.494.588.637
Tiền thưởng và thù lao và hiệu suất công việc	1.676.448.111	4.113.678.850
Khác	927.591.668	767.771.548
TỔNG CỘNG	8.693.582.699	19.376.039.035

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Năm trước:					
Số đầu năm	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	29.751.760.619	79.821.623.743
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	7.324.302.326	7.324.302.326
Số cuối năm	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	37.076.062.945	87.145.926.069
Năm nay:					
Số đầu năm	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	37.076.062.945	87.145.926.069
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	16.890.263.479	16.890.263.479
Số cuối năm	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	53.966.326.424	104.036.189.548

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Cổ phiếu

	<i>Số lượng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	5.000.038	5.000.038
Cổ phiếu đã phát hành	5.000.038	5.000.038
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.000.038</i>	<i>5.000.038</i>
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	38	38
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>38</i>	<i>38</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.000.000</i>	<i>5.000.000</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu gộp (*)	165.095.442.300	119.087.670.085
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>165.017.442.300</i>	<i>118.997.670.085</i>
<i>Doanh thu từ cho thuê xe và vận chuyển</i>	<i>78.000.000</i>	<i>90.000.000</i>
Giảm trừ	(15.308.818.813)	(12.051.205.109)
Chiết khấu thương mại	(14.651.577.782)	(11.461.610.961)
Hàng bán bị trả lại	(652.153.431)	(589.485.548)
Giảm giá hàng bán	(5.087.600)	(108.600)
Doanh thu thuần	149.786.623.487	107.036.464.976

(*) Tổng doanh thu năm 2025 trước chiết khấu giảm trừ trực tiếp là 178.395.105.542 VND (năm 2024 là 127.106.486.647 VND), trong đó chiết khấu giảm trừ trực tiếp vào doanh thu là 13.299.663.242 VND (năm 2024 là 8.018.816.562 VND). Doanh thu còn lại phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh sau khi giảm trừ chiết khấu của năm 2025 là 165.095.442.300 VND (năm 2024 là 119.087.670.085 VND).

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi và cho vay	886.878.369	428.595.679
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	37.368.405
TỔNG CỘNG	886.878.369	465.964.084

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm đã bán	97.101.764.212	71.095.148.326
Giá vốn cho thuê xe và vận chuyển	5.927.000	4.641.999
TỔNG CỘNG	97.107.691.212	71.099.790.325

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	4.099.199.741	3.084.522.178
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.267.681	45.804.193
Chi phí lãi vay	-	38.525.102
TỔNG CỘNG	4.106.467.422	3.168.851.473

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	21.640.735.837	16.337.596.113
Chi phí nhân viên	9.361.063.704	6.764.157.982
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.856.522.873	3.456.028.200
Chi phí khấu hao	43.967.179	-
Khác	8.379.182.081	6.117.409.931
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.492.705.227	7.539.482.097
Chi phí nhân viên	3.970.988.578	2.929.722.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.087.757.299	4.228.622.488
Chi phí khấu hao	5.700.000	5.700.000
Chi phí khác	428.259.350	375.436.876
TỔNG CỘNG	28.133.441.064	23.877.078.210

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	76.302.743.934	59.290.945.008
Chi phí nhân viên	22.521.731.481	16.712.204.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.794.572.445	10.813.533.853
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 11)	4.177.518.053	4.230.778.551
Chi phí khác	8.727.078.922	3.929.406.502
TỔNG CỘNG	126.523.644.835	94.976.868.535

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và công ty con là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN trong năm	3.502.071.237	2.427.245.295
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	721.485.770	(554.987.555)
	4.223.557.007	1.872.257.740

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.113.820.486	9.196.560.066
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	4.222.764.097	1.839.312.013
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	792.910	32.945.727
	4.223.557.007	1.872.257.740

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

22.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Trích trước chiết khấu thương mại	1.049.061.258	1.770.547.028	(721.485.770)	554.987.555
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	1.049.061.258	1.770.547.028		
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(721.485.770)	554.987.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin Công ty TNHH Liên doanh Thực phẩm Mavin	Công ty mẹ Đồng chủ sở hữu
Ông Đào Mạnh Hòa Bà Phan Thị Hạnh Bà Văn Thị Xuân Ông Đào Mạnh Lương Bà Đào Thị Bích Hồng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") từ ngày 19 tháng 4 năm 2025 Mẹ của ông Đào Mạnh Hòa Vợ của ông Đào Mạnh Hòa Anh của ông Đào Mạnh Hòa Em của ông Đào Mạnh Hòa
Ông Đào Mạnh Lương Ông Đào Mạnh Ưởng Bà Phan Thị Hạnh Bà Triệu Thị Quỳnh Thư	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") đến ngày 19 tháng 4 năm 2025 Bố của ông Đào Mạnh Lương Mẹ của ông Đào Mạnh Lương Vợ của ông Đào Mạnh Lương
Ông Lê Thành Nam Ông Lê Thành Hưng Bà Nguyễn Thị Nhung Bà Nguyễn Thị Thủy Dương	Thành viên HĐQT Bố của ông Lê Thành Nam Mẹ của ông Lê Thành Nam Vợ của ông Lê Thành Nam
Ông Nguyễn Anh Tuấn Bà Trần Thu Phú Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên HĐQT Mẹ của ông Nguyễn Anh Tuấn Vợ của ông Nguyễn Anh Tuấn
Bà Vũ Thị Hồng Nhung Ông Đào Mạnh Hiếu	Trưởng Ban kiểm soát ("BKS") Chồng của bà Vũ Thị Hồng Nhung
Bà Phan Nguyễn Trúc Mỹ Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng Ông Trần Thanh Thuận	Thành viên BKS Mẹ của bà Phan Nguyễn Trúc Mỹ Chồng của bà Phan Nguyễn Trúc Mỹ
Bà Trần Thị Kiều Chinh Ông Trần Văn Bảy Bà Nguyễn Thị Một	Thành viên BKS Bố của bà Trần Thị Kiều Chinh Mẹ của bà Trần Thị Kiều Chinh
Thân Văn Dũng Ông Đỗ Văn Tài Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền Bà Võ Thị Lệ Trinh	Thành viên BKS Giám đốc Phó Giám đốc Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin	Chi hộ Mua dịch vụ	24.574.000 -	14.723.000 3.000.000.000

Công ty TNHH Liên doanh Thực phẩm Mavin	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	-	2.477.148
---	---------------------------------	---	-----------

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin	Chi hộ	<u>10.934.000</u>	<u>5.415.000</u>
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin	Mua dịch vụ	<u>-</u>	<u>750.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Giám đốc và Ban kiểm soát ("BKS") bao gồm lương, thù lao và các chi phí liên quan như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
			VND
Ông Đào Mạnh Hòa	Chủ tịch HĐQT từ ngày 19 tháng 4 năm 2025	24.000.000	-
Ông Đào Mạnh Lương	Chủ tịch HĐQT đến ngày 19 tháng 4 năm 2025	12.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Lê Thành Nam	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Bà Vũ Thị Hồng Nhung	Trưởng BKS	24.000.000	24.000.000
Bà Trần Thị Kiều Chinh	Thành viên BKS	12.000.000	250.761.469
Ông Thân Văn Dũng	Thành viên BKS	-	69.736.269
Bà Phan Nguyễn Trúc Mỹ	Thành viên BKS	244.161.882	114.590.000
Ông Đỗ Văn Tài	Giám đốc	987.364.443	812.457.000
Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền	Phó Giám đốc	859.673.198	630.872.894
TỔNG CỘNG		2.211.199.523	1.986.417.632

24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.890.263.479	7.324.302.326
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi trên cổ phiếu	5.000.000	5.000.000
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	3.378	1.465
- Lãi suy giảm	3.378	1.465

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Trong vòng 1 năm	179.108.441	165.276.371
Từ 1 năm đến 5 năm	658.470.802	648.755.420
Trên 5 năm	2.034.543.308	2.170.179.528
TỔNG CỘNG	2.872.122.551	2.984.211.319

Cam kết cho thuê hoạt động




Nhóm Công ty hiện đang cho thuê xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, khoản tiền thuê tối thiểu hàng năm trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động là 54.000.000 VND.

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 14 tháng 3 năm 2026, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐQT-MKV phê duyệt giảm vốn điều lệ của công ty con là Công ty TNHH Dược thú y Cai Lậy từ 50.000.000.000 VND về mức 100.000.000 VND theo số tiền thực tế góp bằng tiền vào ngày 3 tháng 3 năm 2026. Vào ngày 17 tháng 3 năm 2026, Công ty TNHH Dược thú y Cai Lậy đã được Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

 Trần Thị Thanh Thêm Người lập	 Võ Thị Lệ Trinh Kế toán trưởng	 Đỗ Văn Tài Giám đốc
---	--	--

